TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS - PT
Ngày : 05 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLPT-DS ngày 16-12-2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2023/QĐXX-PT ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L: Bà Phạm Thị Ninh – Luật sư Văn phòng luật sư Minh Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh NĐ;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh P – Luật sư Văn phòng luật sư Văn và Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh NĐ;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:*

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1961; Địa chỉ: 125/46C đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn 3, xã Hải Giang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm Phú Hải, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ;

4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ 3, ấp Phố Lố, xã An Phú, huyện HQ, tỉnh BP;

5. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ;

6. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985 và chị Lê Thị Hoa Quỳnh, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ;

7. Uỷ ban nhân dân huyện HH, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hải Đ- Chủ tịch UBND huyện HH.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn K- Phó chủ tịch UBND huyện HH. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 12-8-2022).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Ngọc L là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà T, bà Ninh, ông L, ông P, bà N, bà N, bà T, anh H có mặt. Ông Sửu, bà Lan, chị Quỳnh, ông Kỳ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02-7-2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Phạm Văn Kim, sinh năm 1933, chết ngày 18-8-1974 và cụ Vũ Thị Hiếm (tên gọi khác Phạm Thị Kim), sinh năm 1930, chết ngày 07-8-1998 có 06 người con gồm: Bà là Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc L, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Hai cụ chết không để lại di chúc.

Tài sản của cụ Kim, cụ Hiếm gồm có 03 thửa đất tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; cụ thể: Thửa số 36, diện tích 375m^2; Thửa số 38, diện tích 510m^2 nhưng đã tặng cho bà 360m^2 (đã cấp giấy chứng nhận ngày 8-6-2004 đứng tên bà nhưng chưa tách thửa) nên thửa 38 còn lại 150m^2 và thửa số 39, diện tích 835m^2. Ba thửa đất trên đã được UBND huyện HH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12-01-2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 895999 ngày 28-6-2004 đứng tên bà Phạm Thị Kim (bà và ông L mỗi người giữ 01 giấy chứng nhận của cụ Kim). Trên đất của bố mẹ có 01 căn nhà ở bốn gian, 01 bếp nhưng đã phá rỡ từ năm 2012 hiện chỉ còn móng nhà. Ngoài ra cụ Kim, cụ Hiếm không còn tài sản nào khác và không có khoản nợ nào.

Sau khi cụ Kim chết, cụ Hiếm quản lý sử dụng đất ở cùng với các con. Ông L thì đã được bố mẹ chia cho thổ đất ở liền kề, còn bà sau khi lập gia đình ở nhà chồng một thời gian sau đó ly hôn chuyển về ở với bố mẹ từ năm 1978 được bố mẹ chia cho đất làm nhà ở riêng đến năm 2004 thì bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998, cụ Hiếm chết thì bà và ông L cùng trông coi quản lý nhà đất của bố mẹ. Năm 2012, ông Sửu ở Miền Nam về quê muốn xây nhà thờ thì ông L ngăn cản không cho xây nên xảy ra mâu thuẫn, chị em bà đã làm đơn đến UBND xã HP hoà giải nhưng xã chưa giải quyết.

Do không thống nhất được việc chia di sản của bố mẹ để lại nên bà khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản của cụ Kim và cụ Hiếm để lại gồm 03 thửa đất trên theo pháp luật. Cụ thể, bà yêu cầu chia thửa đất số 36 ở phía trong tách riêng phần của ông L, còn phần của 05 chị em bà thì chia chung, tự chị em bà giải quyết về quyền lợi với nhau và tự mở ngõ đi riêng vào đất được chia. Đối với thửa đất số 38 và thửa số 39 có cạnh phía Tây giáp đường xóm thuận lợi cho việc đi lại thì chia riêng theo phần di sản thừa kế của từng người. Đề nghị Toà án công nhận diện tích 360m^2 đất bà đã được cấp giấy chứng nhận riêng tại thửa số 38 và xác định vị trí, ranh giới đất của bà ở phía Nam thửa số 38 có các công trình xây dựng của bà.

Bà không đồng ý với ông L để lại đất di sản của bố mẹ làm nơi thờ cúng chung vì chị em đã mâu thuẫn, không đồng ý tính công sức quản lý tôn tạo đất cho ông L khi chia di sản vì chị em bà đều có công sức tương đương nhau. Đối với yêu cầu dành đất của cụ Kim, cụ Hiếm mở lối đi ra đường xóm cho bố con ông L, anh H có đất ở phía trong thì do trước đây ông L không đồng ý phương án hoà giải nên bà thay đổi ý kiến không nhất trí mở lối đi riêng cho bố con ông L khi chia di sản mà sau này bố con ông L tự mở ngõ đi khi được chia đất. Việc ông L yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Phạm Văn Kim và yêu cầu giao toàn bộ di sản của cụ Kim cho ông L quản lý sử dụng thì bà không đồng ý.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 08-7-2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Ngọc L trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của bà T về mối quan hệ huyết thống gia đình, về thời điểm cụ Kim, cụ Hiếm chết, hai cụ không để lại di chúc; di sản của hai cụ để lại gồm có thửa đất số 36, 38 và 39 và hai cụ không có khoản nợ nào.

Ngoài ra ông L còn trình bày: Nguyện vọng của ông không muốn chia di sản của bố mẹ mà muốn giữ lại để anh chị em sử dụng làm nơi thờ cúng chung để anh chị em và con cháu hướng về quê hương. Nếu phải chia thừa kế di sản của bố mẹ thì trước khi chia phải dành lối đi hợp lý từ đường xóm phía Tây vào thổ đất số 35 của vợ chồng ông và vợ chồng anh H ở phía trong vì đất ông đã chia tách cho anh H; phải tính công sức cải tạo, quản lý di sản thừa kế cho ông từ nhiều năm nay tương đương 01 suất thừa kế theo pháp luật vì từ sau khi cụ Hiếm chết (năm 1998) đến nay vợ chồng ông trực tiếp quản lý di sản, bỏ nhiều công sức, tiền của để san lấp thêm đất cải tạo thành vườn trồng cây, đóng góp nghĩa vụ sử dụng đất với nhà nước và phải thanh toán giá trị công trình chăn nuôi vợ chồng ông xây dựng trên

đất di sản của bố mẹ. Ông yêu cầu được chia đất để sử dụng, ông nhận sử dụng toàn bộ ba thửa đất và sẽ thanh toán giá trị cho các thừa kế khác theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 19-9-2022, ông Phạm Ngọc L có đơn đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Kim, ông yêu cầu không chia phần di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Kim do đã hết thời hiệu khởi kiện theo pháp luật và đề nghị giao phần di sản này cho ông sử dụng vì ông là người thừa kế duy nhất quản lý di sản từ khi cụ Vũ Thị Hiếm chết đến nay.

* Tại bản tự khai ngày 06-7-2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị N trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của bà Phạm Thị T. Bà nhận chia đất để sử dụng. Bà không nhất trí với ông Phạm Ngọc L yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Phạm Văn Kim.

* Tại bản tự khai ngày 06/7/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị N trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của bà Phạm Thị T. Bà nhận chia đất để sử dụng. Bà không nhất trí với ông Phạm Ngọc L yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Phạm Văn Kim.

* Tại bản tự khai ngày 06/7/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Phạm Thị L trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của bà Phạm Thị T. Bà nhận chia đất để sử dụng. Bà không nhất trí với ông Phạm Ngọc L yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Phạm Văn Kim.

* Tại bản tự khai ngày 06/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Phạm Văn S trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của bà Phạm Thị T về thành phần gia đình, về di sản của bố mẹ để lại và thời điểm bố mẹ chết, không ai để lại di chúc. Về việc chia di sản của bố mẹ thì ông nhận chia thừa kế và tặng cho bà T, không yêu cầu bà T thanh toán giá trị. Do ở xa đi lại khó khăn nên ông xin giải quyết vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-7-2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Đỗ Thị T trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của chồng bà ông Phạm Ngọc L, không bổ sung gì thêm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan anh Phạm Văn H và chị Lê Thị Quỳnh Hoa trình bày: Anh H là con trai của ông Phạm Ngọc L. Anh H được ông L, bà T chia tách cho diện tích 355m^2 đất vườn tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 30 tại xóm Thượng Phúc, xã HP; đã được cấp giấy chứng nhận ngày 28-6-2004 nhưng còn chung thửa với hộ ông L, bà T mà chưa phân định ranh giới đất của trên thực địa. Năm 2011 vợ chồng anh H, chị Quỳnh xây dựng 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện

tích khoảng 50m^2, 01 nhà vệ sinh, bếp và chuồng chăn nuôi trên đất. Do nhà đất của anh H, chị Quỳnh ở phía trong hiện chỉ có lối đi duy nhất và thuận lợi nhất qua thửa đất số 39 của hai cụ Kim nên nay chia thừa kế thửa đất trên của cụ Kim thì yêu cầu cho vợ chồng anh chị và ông L, bà T có lối ra đường công cộng được thuận lợi nhất cho sinh hoạt của gia đình. Anh chị yêu cầu ngõ đi rộng tối thiểu từ 03m trở lên, còn việc chia thừa kế di sản của hai cụ Kim thế nào thì anh chị không có ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan UBND huyện HH do ông Vũ Văn Klà đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có ý kiến gì về vụ án.

* Bản án sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 168, 169, 170 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Phạm Ngọc L về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

2. Công nhận bà Phạm Thị T được quyền sử dụng 360m^2 đất (trong đó đất ONT.180m^2, đất CLN.180m^2) thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 30, có diện tích 510m^2 tại Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 896000 ngày 28/6/2004 đứng tên bà Phạm Thị T.

Ranh giới đất như sau: Phía Bắc giáp phần đất thuộc thửa số 38 chia cho bà Phạm Thị T dài 20,6m; phía Đông giáp thửa đất số 37 của hộ ông L và thửa số 36 chia cho bà T và ông L dài 6,7m + 11,9m; phía Nam giáp đường xóm dài 18,5m; phía Tây giáp đường xóm dài 18,4m. (Được ký hiệu là S3 theo sơ đồ kèm theo bản án).

3. Xác nhận quyền sử dụng diện tích 375m^2 đất (loại đất CLN) tại thửa số 36; diện tích 150m^2 đất (gồm đất ONT.120m^2, đất CNL.30m^2) thuộc thửa đất số 38 và diện tích 835m^2 đất (gồm đất ONT.165m^2, đất CLN.390m^2, đất NTS.280m^2) tại thửa đất số 39, cùng thuộc tờ bản đồ số 30 tại Xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 895999 ngày 28/6/2004 đứng tên bà Phạm Thị Kim có tổng diện tích 1.360m^2 trị giá 952.000.000đ (Chín trăm năm mươi hai triệu đồng) là tài sản chung của cụ Phạm Văn Kim và cụ Vũ Thị Hiếm (tên gọi khác Phạm Thị Kim).

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Kim và di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim) mỗi người là 680m^2 đất có trị giá là 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Xác nhận người thừa kế theo pháp luật hàng thứ nhất của cụ Phạm Văn Kim

và cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim) là bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc L, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn S tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng của cụ Vũ Thị Hiếm cho bà Phạm Thị T, không yêu cầu thanh toán giá trị.

4. Chia giá trị:

Di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim) là 680m^2 đất có trị giá là 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được chia theo pháp luật cho bà Phạm Thị T được hưởng 02 kỷ phần thừa kế; ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế.

Di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Kim đã hết thời hiệu khởi kiện được chia cho bà Phạm Thị T và ông Phạm Ngọc L mỗi người được hưởng 1/2 di sản là 340m^2 đất có trị giá 238.000.000đ (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng).

5. Chia hiện vật:

5.1. Giao cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng diện tích 567m^2 đất có tổng trị giá 396.900.000đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), gồm:

- Diện tích 188m^2 đất (loại đất CLN) thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 30, có diện tích 375m^2. Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 33 của hộ ông Cư dài 9,7m; phía Bắc giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài 19,1m; phía Tây giáp thửa số 38 chia cho bà T dài 3,2m + 2,4m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông L tại thửa số 36 dài 19,9m. (Được ký hiệu là S1 theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Diện tích 150m^2 đất (gồm đất ONT.120m^2, đất CLN.30m^2) thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 30, có diện tích 510m^2. Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà T tại thửa số 36 dài 7,2m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà T tại thửa số 39 dài 21,4m; phía Tây giáp đường xóm dài 7,2m; phía Nam giáp phần đất của bà T tại thửa số 38 dài 20,6m. (Được ký hiệu là S4 theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Diện tích 229m^2 đất (gồm đất ONT.30m^2, đất NTS.199m^2) thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 30, có diện tích 835m^2. Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài 10,8m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà N tại thửa số 39 dài 21,5m; phía Tây giáp đường xóm dài 5,0m + 5,5m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà T tại thửa số 38 dài 21,4m. (Được ký hiệu là S5 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Các phần đất ký hiệu S1, S4 và S5 nêu trên cùng có địa chỉ tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 895999 ngày 28/6/2004 đứng tên bà Phạm Thị Kim.

Bà Phạm Thị T được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

5.2. Giao cho ông Phạm Ngọc L được quyền sử dụng 454m^2 đất có trị giá 317.800.000đ (Ba trăm mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng), gồm:

- Diện tích 187m^2 đất (loại đất CLN) thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 30, có diện tích 375m^2. Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 33 của hộ ông Cư và thửa số 37 của hộ ông L dài 6,2m + 2,9m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà T tại thửa số 36 dài 19,9m; phía Tây giáp phần đất của bà T tại thửa số 38 dài 9,5m; phía Nam giáp thửa số 37 của hộ ông L dài 20,6m. (Được ký hiệu là S2 theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Diện tích 267m^2 đất (gồm đất ONT.45m^2, đất CLN.222m^2) thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 30, có diện tích 835m^2. Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài 12,4m; phía Bắc giáp thửa số 14 của hộ bà Thuận dài 21,6m; phía Tây giáp đường xóm dài 12,4m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà N tại thửa số 39 dài 21,6m. (Được ký hiệu là S9 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Các phần đất ký hiệu S2 và S9 nêu trên cùng có địa chỉ tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim.

Ông Phạm Ngọc L được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

5.3. Giao cho bà Phạm Thị N được quyền sử dụng diện tích 113m^2 đất (gồm đất ONT.30m^2, đất CLN.56m^2, đất NTS.27m^2) thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 30, có diện tích 835m^2 tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim có trị giá 79.100.000đ (Bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài 5,3m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Lan tại thửa số 39 dài 21,5m; phía Tây giáp đường xóm dài 5,3m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà T tại thửa số 39 dài 21,5m. (Được ký hiệu là S6 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Phạm Thị N được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

5.4. Giao cho bà Phạm Thị L được quyền sử dụng diện tích 113m^2 đất (gồm đất ONT.30m^2, đất CLN.56m^2, đất NTS.27m^2) thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 30, có diện tích 835m^2 tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim có trị giá 79.100.000đ (Bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài

5,3m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà N tại thửa số 39 dài 21,5m; phía Tây giáp đường xóm dài 5,3m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà N tại thửa số 39 dài 21,5m. (Được ký hiệu là S7 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Phạm Thị L được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

5.5. Giao cho bà Phạm Thị N được quyền sử dụng diện tích 113m^2 đất (gồm đất ONT.30m^2, đất CLN.56m^2, đất NTS.27m^2) thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 30, có diện tích 835m^2 tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim có trị giá 79.100.000đ (Bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp thửa số 35 của hộ ông L và anh H dài 5,3m; phía Bắc giáp phần đất chia cho ông L tại thửa số 39 dài 21,6m; phía Tây giáp đường xóm dài 5,2m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà Lan tại thửa số 39 dài 21,5m. (Được ký hiệu là S8 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Phạm Thị N được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

5.6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5.7. Về nghĩa vụ bàn giao: Buộc ông Phạm Ngọc L và bà Đỗ Thị T phải di chuyển tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của mình để bàn giao diện tích đất được chia theo quyết định của bản án cho bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L.

Bà Phạm Thị T có trách nhiệm giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri W 895999 ngày 28/6/2004 đứng tên bà Phạm Thị Kim và ông Phạm Ngọc L có trách nhiệm giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri W 299133 ngày 12/01/2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim do bà T và ông L đang quản lý cho các đương sự khác để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Sau đó phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Phạm Thị T và ông Phạm Ngọc L.

6. Không chấp nhận yêu cầu về mở lối đi vào thửa đất số 35, tờ bản đồ số 30 tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ của ông Phạm Ngọc L, bà Đỗ Thị T và anh Phạm Văn H, chị Lê Thị Hoa Quỳnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 12-10-2022 của ông Phạm Ngọc L kháng cáo một phần bản án với nội dung, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm giao toàn bộ phần tài sản thừa kế của bố ông trong khối tài sản chung của bố

mẹ ông để lại cho ông sử dụng. Tính công sức của ông trong việc phụng dưỡng mẹ, ma chay khi chết và quản lý tài sản của mẹ ông từ khi mẹ ông chết đến nay khi chia phần tài sản thừa kế của mẹ ông. Buộc những người thừa kế khác phải thanh toán giá trị công trình của ông trên phần đất thừa kế được giao và giá trị phần đất ông san lấp. Xem xét giao toàn bộ tài sản thừa kế của bố mẹ ông cho ông quản lý sử dụng giữ gìn, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các thừa kế khác theo giá trị mà họ được chia.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, ông Phạm Văn S, bà N, bà N và bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông L, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Phạm Ngọc L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không nhất trí chia di sản thừa kế phần tài sản thừa kế của cụ Kim, không nhất trí chia di sản của cụ Hiếm bằng hiện vật cho các đồng thừa kế khác. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Phạm Văn Kim và cụ Vũ Thị Hiếm để lại gồm: 03 thửa số 36, 38 và 39 có địa chỉ tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ tổng diện tích 1.360m^2 đất. Di sản thừa kế của cụ Kim và cụ Hiếm mỗi người là 1/2 tài sản chung là 680m^2 đất có trị giá 476.000.000 đồng. Cụ Kim chết năm 1974 nên đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế, do ông L có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên phần di sản thừa kế của cụ Kim được giao cho ông L và bà T là những người thừa kế đang quản lý di sản mỗi người được hưởng 1/2 di sản của cụ Kim. Cụ Hiếm chết năm 1998 nên còn thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia đều di sản thừa kế của cụ Hiếm cho 06 thừa kế là bà T, ông L, ông Sửu, bà N, bà N, bà Lan; ghi nhận việc ông Sửu tặng cho phần di sản thừa kế của mình cho bà Phạm Thị T, không yêu cầu thanh toán giá trị. Về chia hiện vật: Do diện tích đất lớn nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự nhận chia đất sử dụng là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đương sự trong vụ án mà không buộc họ phải thanh toán giá trị các công trình cho vợ chồng ông L, bà T đã xây dựng trên đất là chưa đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông L, bà T. Vì vậy, kháng cáo của ông L là có căn cứ chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Sửa bản án sơ thẩm về phần thanh toán giá trị các công trình đã xây dựng trên phần đất được chia cho vợ chồng ông L, bà T. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Ngọc L làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị L, ông Vũ Văn Kcó đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Hoa Quỳnh đã uỷ quyền cho anh Phạm Văn H tham gia giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm nên việc vắng mặt của ông Sửu, bà Lan, ông Ký, chị Quỳnh tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của ông Phạm Ngọc L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết giao toàn bộ phần tài sản thừa kế của bố ông trong khối tài sản chung của bố mẹ ông để lại cho ông sử dụng. Tính công sức của ông trong việc phụng dưỡng mẹ, ma chay khi chết và quản lý tài sản của mẹ ông từ khi mẹ ông chết đến nay khi chia phần tài sản thừa kế của mẹ ông. Xem xét giao toàn bộ tài sản thừa kế của bố mẹ ông cho ông quản lý sử dụng giữ gìn, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các thừa kế khác theo giá trị mà họ được chia thấy rằng: Về di sản của cụ Phạm Văn Kim và cụ Vũ Thị Hiếm: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì vợ chồng cụ Phạm Văn Kim, cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim) có tài sản chung gồm 03 thửa đất liền kề nhau tại xóm Thượng Phúc, xã HP, huyện HH, tỉnh NĐ, cụ thể: Thửa số 36, diện tích 375m^2 (loại đất CLN); Thửa số 38, diện tích 510m^2 nhưng đã tặng cho bà Phạm Thị T 360m^2 (chưa tách thửa) còn lại 150m^2 (gồm đất ONT.120m^2, đất CLN.30m^2) và thửa số 39, diện tích 835m^2 (gồm đất ONT.165m^2, đất CLN.390m^2, đất NTS.280m^2) đều thuộc tờ bản đồ số 30 xã HP. Ba thửa đất trên đã được UBND huyện HH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 299133 ngày 12-01-2001 đứng tên hộ bà Phạm Thị Kim và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W 895999 ngày 28-6-2004 đứng tên bà Phạm Thị Kim. Tuy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên được cấp lần đầu đứng tên cụ Phạm Thị Kim (tức Vũ Thị Hiếm) sau khi cụ Kim, cụ Hiếm đều đã chết là chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nhưng các đương sự đều thống nhất xác định là tài sản chung của cụ Kim, cụ Hiếm. Hai cụ không còn tài sản nào khác và không có khoản nợ để lại.

[4] Theo kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản ngày 21-7-2022 thì diện tích hiện trạng của ba thửa đất là 1.360m^2 có tổng trị giá: 1.360m^2 x 700.000 đồng/m^2 = 952.000.000 đồng. Tài sản trên thửa số 39 có 01 móng nhà cũ của cụ Kim, cụ Hiếm không còn giá trị và các công trình xây dựng tạm của vợ chồng ông L, bà T gồm 01 lán chăn nuôi ở phía Bắc trị giá 13.567.000 đồng, 01 lán chăn nuôi ở phía Tây trị giá 12.361.000 đồng, 03 nhà kho ở phía Tây trị giá 36.928.000 đồng, cổng sắt ở phía Tây. Tài sản trên thửa số 38 gồm có 01 giếng

khoan Unicef trị giá 3.000.000 đồng và 01 bếp cấp 4 không còn giá trị do bà T xây dựng. Thửa đất số 36 hiện trạng là ao và vườn. Theo quy định của pháp luật thì cụ Phạm Văn Kim và cụ Vũ Thị Hiếm có quyền đối với 1/2 tài sản chung là 680m^2 đất có trị giá 476.000.000 đồng.

[5] Bà Phạm Thị T có yêu cầu công nhận diện tích đất 360m^2 đã được tặng cho tại thửa số 38 theo giấy chứng nhận đã cấp đứng tên bà và yêu cầu xác định ranh giới đất với phần đất còn lại tại thửa số 38 là di sản của cụ Kim, cụ Hiếm khi chia di sản của hai cụ là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về thời điểm mở thừa kế, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án đều trình bày cụ Phạm Văn Kim chết ngày 18-8-1974 nên thời điểm mở thừa kế được xác định theo điều 623 BLDS năm 2015 là 30 năm, thời điểm bắt đầu tính thời hiệu là ngày 10-9-1990, thời điểm kết thúc là ngày 10-9-2020, đến ngày 04-7-2022 nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thì thời hiệu chia di sản của cụ Phạm Văn Kim đã hết, theo Án lệ số 26/2018/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06-11-2018 của Chánh án TANDTC; cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim) chết ngày 07-8-1998 thì thời hiệu chia di sản của cụ Vũ Thị Hiếm vẫn còn. Do bị đơn ông Phạm Ngọc L có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Toà án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc nên Toà án chấp nhận việc áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Kim là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về yêu cầu chia di sản của cụ Vũ Thị Hiếm (tức Phạm Thị Kim): Di sản của cụ Vũ Thị Hiếm vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Do cụ Hiếm chết không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các đương sự thống nhất cụ Kim và cụ Hiếm có 06 người con là bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc L, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Bố mẹ đẻ của cụ Kim, cụ Hiếm đều chết trước hai cụ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Vũ Thị Hiếm là bà T, ông L, ông Sửu, bà N, bà N và bà Lan.

[8] Về công sức quản lý, tôn tạo di sản: Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L cho rằng các anh chị em có công sức như nhau nên đề nghị chia đều di sản của cụ Hiếm cho các thừa kế. Bà Phạm Thị T được hai cụ cho phần diện tích đất 360m^2 ở thửa số 38, bản đồ số 30 xã HP liền kề với các thửa đất thuộc di sản thừa kế, sau khi hai cụ chết bà T cũng trực tiếp sử dụng đất của bố mẹ để trồng cấy hoa màu, bà N có mấy năm trồng cấy trên đất, ông L xây dựng tường bao quản lý, trông coi để giữ đất của bố mẹ để lại, ông Phạm Văn S tuy đi công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn thường xuyên đi về, năm 2012 ông Sửu về quê mua vật liệu định xây dựng ngôi nhà trên vị trí nhà cũ của các cụ đã bị hư hỏng để lấy chỗ đi về và thờ cúng tổ tiên nhưng bị ông L ngăn cản nên ông Sửu không

thực hiện được ý nguyện của mình. Bị đơn ông Phạm Ngọc L cho rằng ông đã có công đổ thêm đất vượt lập thành vườn, quản lý trông coi đất di sản từ khi cụ Hiếm chết đến nay và chịu trách nhiệm đóng góp nghĩa vụ với nhà nước nên ông yêu cầu được tính công sức nhiều hơn khi chia di sản của cụ Hiếm bằng 01 suất thừa kế theo pháp luật. Xét thấy, ngoài lời trình bày của mình thì ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh có công sức tôn tạo đất di sản làm tăng giá trị đất; thực tế ông L đã được cụ Kim, cụ Hiếm cho thửa đất ở liền kề với đất của hai cụ có diện tích 810m^2, sau khi hai cụ chết, ông L đã tự ý sử dụng đất, lấy chính vật liệu xây dựng của ông Sửu mua về để xây dựng chuồng trại chăn nuôi, đào ao ở vị trí thuộc di sản thừa kế để lấp sang phần đất ao thuộc vị trí khác, nhằm mục đích nuôi trồng thuỷ sản, trồng cấy một số loại cấy hoa màu để làm kinh tế tạo thu nhập riêng cho gia đình mình, được hưởng lợi rất nhiều từ việc sử dụng đất; việc ông L sử dụng đất di sản cũng không được sự uỷ quyền của các thừa kế khác. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính công sức quản lý, tôn tạo di sản của ông Phạm Ngọc L. Như vậy di sản thừa kế của cụ Vũ Thị Hiếm được chia đều cho 06 thừa kế theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn S đã tự nguyện tặng cho phần di sản được hưởng của mình cho bà Phạm Thị T, không yêu cầu thanh toán giá trị nên bà T được hưởng 02 suất thừa kế.

[9] Về chia di sản của cụ Phạm Văn Kim: Như đã phân tích ở trên do đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Phạm Văn Kim và ông L có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T, ông Sửu, bà N, bà N và bà Lan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó". Căn cứ lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì sau khi cụ Phạm Văn Kim chết (năm 1974) thì cụ Vũ Thị Hiếm quản lý sử dụng đất cùng với các con còn nhỏ ở với mẹ, sau đó lập gia đình thì ở riêng. Đến khi cụ Hiếm chết (năm 1998) thì ông L và bà bà T ở đất liền kề cùng quản lý sử dụng ba thửa đất của bố mẹ; trong đó ông L đã xây dựng chuồng trại chăn nuôi, đào ao nuôi trồng thuỷ sản; bà T xây bếp và trồng cấy hoa màu trên đất. Tuy bà T và ông L quản lý sử dụng đất di sản không được sự uỷ quyền của các thừa kế khác nhưng cũng không bị các thừa kế khác phản đối. Nay bà T và ông L đều yêu cầu được giao đất để sử dụng do đó di sản của cụ Phạm Văn Kim được chia cho bà T và ông L là các thừa kế hàng thứ nhất của cụ Kim đang quản lý di sản, mỗi người được hưởng 1/2 di sản của cụ Kim là 340m^2 đất có trị giá 238.000.000 đồng.

[10] Về chia hiện vật: Bà Phạm Thị T, ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L đều có yêu cầu chia đất để sử dụng, riêng ông Phạm Văn S nhường phần di sản được hưởng cho bà T. Xét thấy ba thửa đất là di sản của cụ Kim, cụ Hiếm liền kề nhau và có tổng diện tích 1.360m^2, trên đất không có công trình kiên cố mà chỉ có một số công trình xây tạm để chăn nuôi của ông L, bà T và một số công trình đã xuống cấp của bà T, còn lại hầu hết là đất vườn và ao

do đó đủ điều kiện chia hiện vật cho các đương sự sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự. Trong đó thửa số 36 có một phần là ao liền với ao của nhà ông L và giáp đất của ông L, bà T; không tiếp giáp với đường xóm nên cần chia cho ông L và bà T sử dụng để các gia đình tự mở lối đi ra đường xóm là phù hợp. Còn thửa số 38 và thửa số 39 có cạnh phía Tây giáp đường xóm thuận lợi cho việc mở lối đi riêng, chiều sâu thửa đất và hình thể thuận lợi cho việc phân chia đất nên cần chia hiện vật cho các đương sự sử dụng. Đối với các công trình dựng của ông L, bà T chỉ là công trình chăn nuôi xây dựng tạm, hiện đã xuống cấp có vị trí chủ yếu ở phía Bắc và phía Tây thửa số 39 và phần phía Tây thửa số 38 nên cần chia cho ông L sử dụng đất ở phía Bắc thửa 39, chia cho bà T phần đất phía Nam thửa số 38, 39 giáp đất của bà T, phần đất còn lại thuộc thửa số 39 chia cho bà N, bà N, bà Lan sử dụng. Toà án cấp sơ thẩm đã chia bằng hiện vật cho các bên đương sự cùng sử dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án, kháng cáo của ông L về các vấn đề nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Về yêu cầu mở lối đi của ông Phạm Ngọc L và anh Phạm Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và anh H, chị Quỳnh có yêu cầu để một phần đất di sản của cụ Kim, cụ Hiếm thuộc thửa số 39 làm lối đi từ thửa đất số 35 của gia đình ông L, anh H đang sử dụng để ra đường xóm vì không còn lối đi nào khác thuận lợi hơn. Tại phiên toà sơ thẩm bà T, bà N, bà N và bà Lan không nhất trí với lý do ông L được chia đất thì phải tự mở ngõ đi trên phần đất của mình. Xét thấy ông L, bà T và anh H, chị Quỳnh đang sử dụng chung thửa số 35, tuy đã được cấp giấy chứng nhận riêng nhưng chưa tách thửa; đến nay ông L cũng được chia đất di sản của cụ Kim, cụ Hiếm có vị trí tiếp giáp giữa thửa đất số 35 của gia đình ông L, anh H và đường xóm nên ông L phải tự mở lối đi trên phần đất của mình được chia là phù hợp pháp luật do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu mở lối đi của ông L và anh H khi chia di sản của cụ Kim, cụ Hiếm. Nếu anh H và ông L không tự thoả thuận được về việc mở lối đi sau khi ông L được chia đất di sản thừa kế thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[12] Xét yêu cầu kháng cáo của ông L buộc những người thừa kế khác phải thanh toán giá trị công trình của ông trên phần đất thừa kế được giao và giá trị phần đất ông san lấp thấy rằng. Các công trình xây dựng tạm của ông L, bà T ở phía Tây giáp đường xóm nếu thuộc đất chia cho các thừa kế khác thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng nhưng cần buộc họ phải có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại của công trình cho vợ chồng ông L, bà T là có căn cứ chấp nhận, Toà án cấp sơ thẩm không buộc những người được chia đất có các công trình này phải thanh toán giá trị là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông L, bà T, kháng cáo của ông L về nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

[13] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc những người được chia di sản ở vị trí có các công trình

xây dựng trên đất phải thanh toán giá trị là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông L, bà T. Lý do kháng cáo của ông L là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó, có căn cứ sửa lại bản án sơ thẩm về phần thanh toán giá trị công trình xây dựng trên đất được chia cho phù hợp pháp luật.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Ngọc L được chấp nhận một phần nên ông L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[15] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Ngọc L. Sửa bản án sơ thẩm về phần thanh toán giá trị công trình xây dựng trên đất, những nội dung khác của bản án sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện HH vẫn giữ nguyên.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 156; Điều 165; Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 168; Điều 169; Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Buộc bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Phạm Ngọc L, bà Đỗ Thị T 01 lán chăn nuôi ở phía Tây trị giá 12.361.000 đồng, 03 nhà kho ở phía Tây trị giá 36.928.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm L đới thanh toán cho vợ chồng ông Phạm Ngọc L, bà Đỗ Thị T giá trị tường bao 5.883.000đ, chia phần mỗi người là 1.961.000đ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Ngọc L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

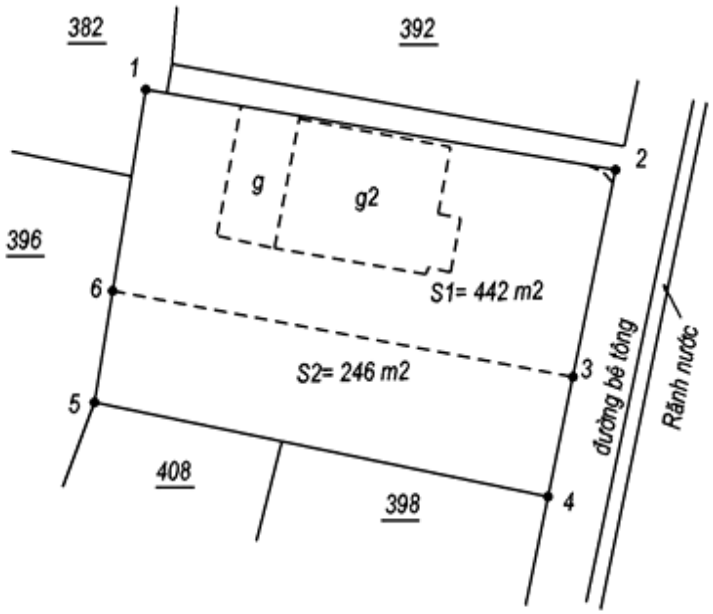
Vũ Thị Thu **Nguyễn Tiến Dũng** **Lại Văn Tùng**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- VKSND huyện HH;
- TAND huyện HH;
- Chi cục THADS huyện HH;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 72/2022/DS-PT ngày 18-11-2022
của Tòa án nhân dân tỉnh NĐ



Chiều dài cạnh thửa	
Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	32.3
2-3	14.1
3-4	8.1
4-5	31.4
5-6	7.5
6-1	13.6
3-6	31.7

Ghi chú:

- Thửa số 397 tờ bản đồ số 2.

Diện tích 688 m2 (ONT.402, CLN.165, NTS. 121)

Giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1)

Trong đó:

+ S1= 442 m2 (ONT.258, CLN. 106, NTS. 78) - Hình

Giới hạn bởi các điểm (1,2,3,6,1)

+ S2 = 246 m2 (ONT.144, CLN. 59, NTS. 43) - Chiên

Giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,3)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh **Nguyễn Tiến Dũng** **Lại Văn Tùng**